

Lào Cai

Kết quả thực hiện các Hiệp định Thương mại Tự do của địa phương

Trung bình

NHÓM 5/6

XẾP LOẠI

Trung bình

Nhóm 5/6 — **Hạng 24/34** tỉnh được đánh giá.

ĐIỂM TỔNG HỢP

17,83 / 40

Thấp hơn mức trung bình cả nước (21,66) **3,83 điểm**.

TRỤ CỘT YẾU NHẤT

26 / 34

Tiếp cận thông tin — khoảng cách lớn nhất trong bốn trụ cột (**-1,29**).

TỔNG QUAN BỐN TRỤ CỘT

A TIẾP CẬN THÔNG TIN

HẠNG 26 / 34

3,50 / 10 -1,29 so với trung bình cả nước

B THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

HẠNG 24 / 34

4,10 / 10 -1,11 so với trung bình cả nước

C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

HẠNG 23 / 34

5,42 / 10 -0,40 so với trung bình cả nước

D PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HẠNG 24 / 34

4,78 / 10 -1,19 so với trung bình cả nước

★ ĐIỂM MẠNH TƯƠNG ĐỐI

- #6 A3 — Hình thức tiếp cận thông tin
- #11 C4 — Cam kết được doanh nghiệp khai thác
- #13 C7 — Hiệu quả chính sách hỗ trợ
- #15 B3 — Chất lượng hướng dẫn VBPL

KHOẢNG TRỐNG CHÍNH

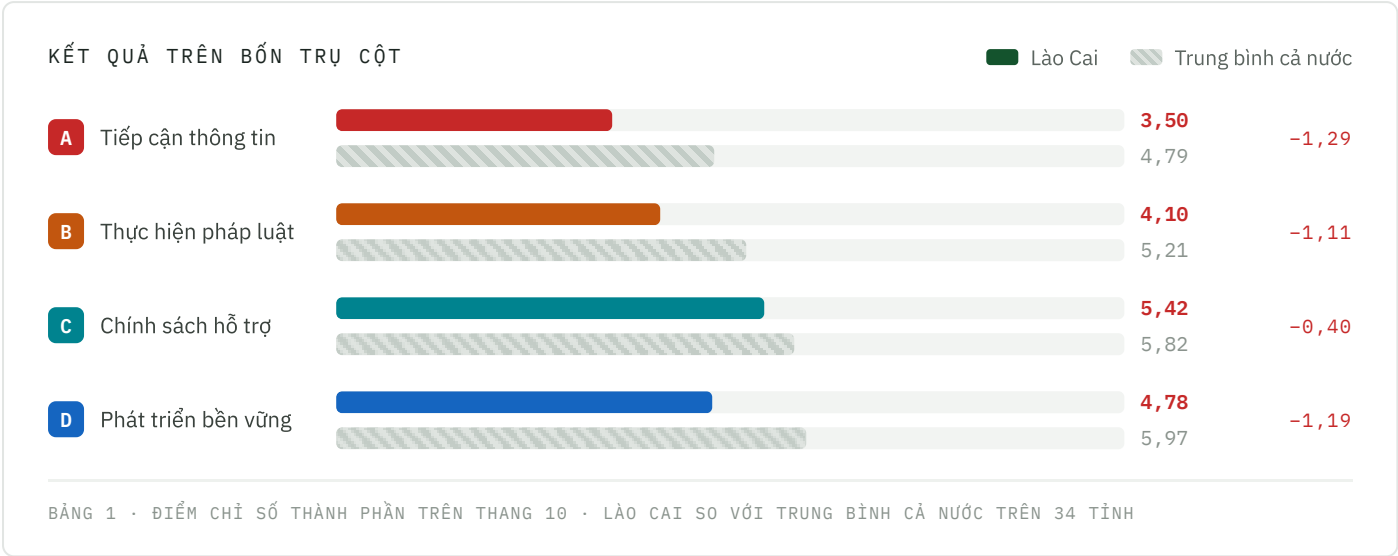
- #29 C3 — Hình thức tận dụng cam kết FTA
- #28 B6 — Mức độ doanh nghiệp tham gia phản hồi chính sách
- #27 B1 — Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA
- #26 D3 — Mức độ sẵn sàng đáp ứng cam kết PTBV

NGUỒN: FTA INDEX 2025 (TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG THỰC HIỆN CHO BỘ CÔNG THƯƠNG); KHẢO SÁT 4.066 DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU. ĐIỂM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TRÊN THANG 10; ĐIỂM TỔNG HỢP TRÊN THANG 40. XẾP HẠNG TRÊN TỔNG SỐ 34 TỈNH.

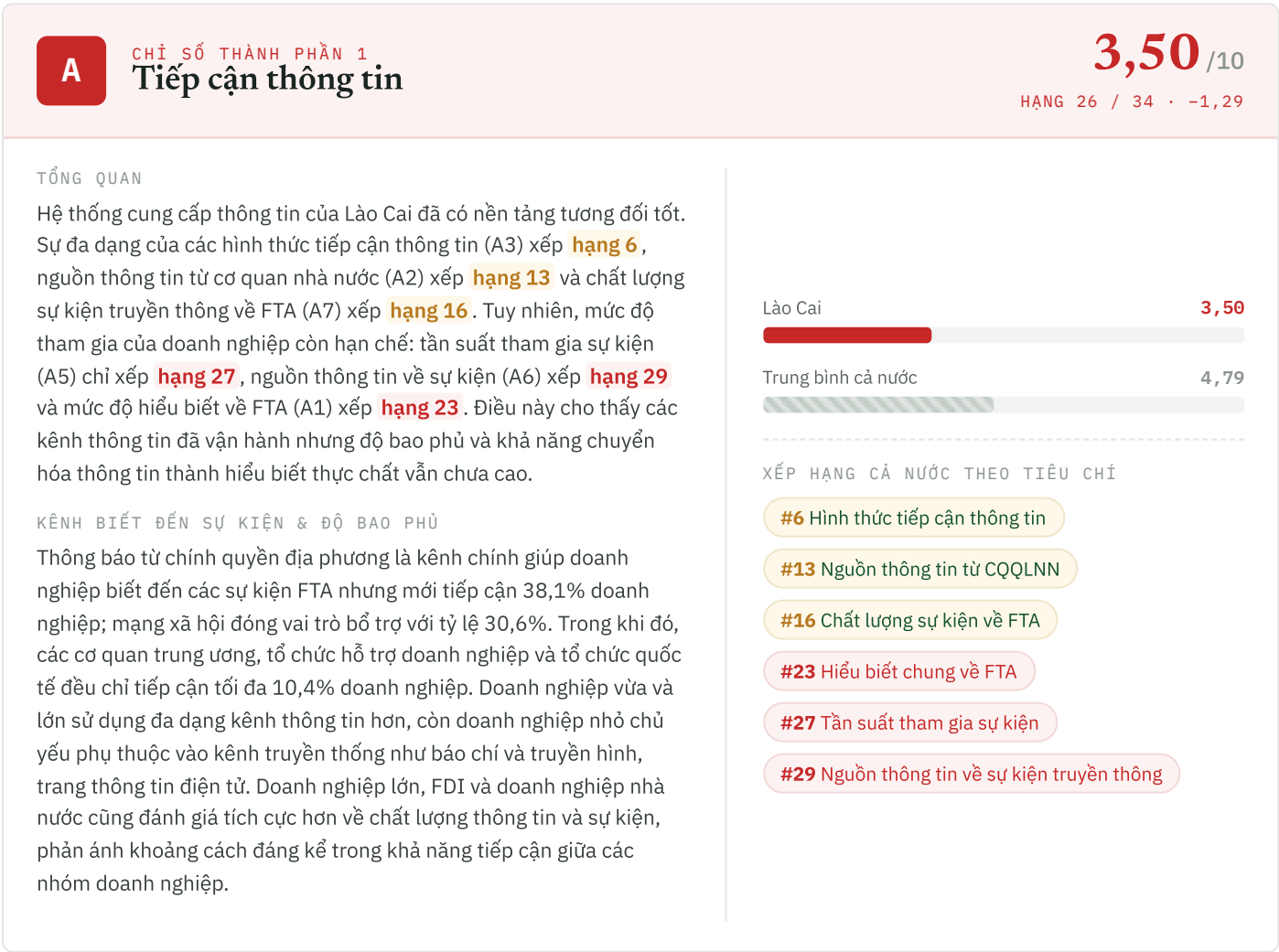
01 Tổng quan kết quả

Lào Cai đạt 17,83/40 điểm, thuộc nhóm “Trung bình” và xếp **hạng 24/34** tỉnh, thành phố. Là một cửa ngõ thương mại quan trọng với Trung Quốc, tỉnh có kết quả thấp hơn mức trung bình cả nước nhưng không tồn tại khoảng cách quá lớn giữa bốn trụ cột. Một số năng lực nền tảng đã được hình thành, thể hiện qua sự đa dạng của các hình thức tiếp cận thông tin xếp **hạng 6**, số nhóm cam kết FTA được khai thác xếp **hạng 11** và hiệu quả của chính sách hỗ trợ xếp **hạng 13**. Điểm nghẽn chính nằm ở mức độ tham gia và chiều sâu tận dụng FTA của doanh nghiệp. Mặc dù các kênh thông tin đã được thiết lập, doanh nghiệp chưa tham gia thường xuyên vào các hoạt động hỗ trợ và chưa khai thác FTA một cách đa

dạng. Do đó, ưu tiên của tỉnh là thúc đẩy sự tham gia chủ động của doanh nghiệp, chuyển từ tiếp nhận thông tin cơ bản sang vận dụng hiệu quả các cam kết FTA trong hoạt động kinh doanh.



02 Phân tích chi tiết theo chỉ số thành phần



TỔNG QUAN

Chất lượng hướng dẫn VBPL (B3) và mức độ phức tạp khi tuân thủ các VBPL về thực thi FTA (B4) cùng xếp **hạng 15**, tương đối gần mức chung của cả nước. Tuy nhiên, mức độ nắm rõ các VBPL thực thi cam kết FTA (B1) chỉ xếp **hạng 27**, mức độ tham gia tập huấn (B5) xếp **hạng 25** và sự tham gia phản hồi, góp ý của doanh nghiệp (B6) xếp **hạng 28**. Kết quả này cho thấy hoạt động hướng dẫn bước đầu được đánh giá tích cực nhưng chưa đủ thường xuyên và chuyên sâu để nâng cao hiểu biết pháp lý và thúc đẩy doanh nghiệp tham gia vào quá trình thực thi chính sách.

MỨC ĐỘ NẮM BẮT THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Chỉ khoảng 12–21% doanh nghiệp nắm rõ các lĩnh vực pháp luật chủ yếu, trong khi 60–69% hoàn toàn chưa biết hoặc chỉ có hiểu biết cơ bản. Doanh nghiệp nhỏ có mức độ hiểu biết thấp nhất về các quy định tiếp cận thị trường cốt lõi, trong khi doanh nghiệp lớn và FDI nắm rõ hơn về quy tắc xuất xứ. Hoạt động hướng dẫn của chính quyền địa phương chưa được triển khai thường xuyên; 35% doanh nghiệp FDI và 25% doanh nghiệp lớn cho biết chưa nhận được hướng dẫn. Đồng thời, khoảng 54–61% doanh nghiệp đánh giá các quy định là phức tạp, tỷ lệ này tăng lên 63–74% ở doanh nghiệp nhỏ. Ngay cả doanh nghiệp lớn cũng gặp khó khăn với các cam kết về sở hữu trí tuệ, SPS, TBT, lao động và môi trường.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #15 Chất lượng hướng dẫn VBPL
- #15 Mức độ phức tạp tuân thủ VBPL thực thi FTA
- #25 Tham gia đào tạo tập huấn
- #27 Mức độ nắm rõ VBPL thực thi FTA
- #28 Phản hồi, góp ý chính sách

C CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 3 Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA

5,42 /10

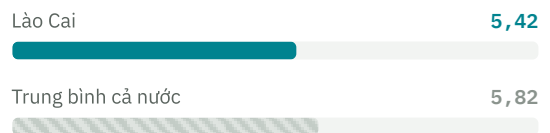
HẠNG 23 / 34 · -0,40

TỔNG QUAN

Đây là trụ cột có kết quả khả quan nhất và khoảng cách nhỏ nhất so với mức trung bình cả nước. Số nhóm cam kết được khai thác (C4) xếp **hạng 11**, trong khi mức độ rào cản (C5) và hiệu quả chính sách hỗ trợ (C7) cùng xếp **hạng 13**. Tuy nhiên, sự đa dạng của các hình thức tận dụng FTA (C3) chỉ xếp **hạng 29** và khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ địa phương (C6) xếp **hạng 24**. Như vậy, doanh nghiệp đã khai thác được một số cam kết FTA nhưng phạm vi tận dụng còn hẹp, trong khi chính sách hỗ trợ chưa tiếp cận đồng đều các nhóm doanh nghiệp.

RÀO CẢN THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Các trở ngại chính đối với doanh nghiệp nhỏ gồm thiếu hiểu biết về cam kết FTA, thiếu thông tin thị trường và khó kết nối với đối tác tại các nước thành viên. Trong khi đó, doanh nghiệp lớn và FDI nhấn mạnh tình trạng thiếu nguồn tư vấn đáng tin cậy. Hỗ trợ xúc tiến thương mại nhận được tỷ lệ đánh giá tích cực cao nhất, đạt 56,9%, trong khi hỗ trợ đào tạo và tài chính chỉ đạt lần lượt 36,2% và 33,3%. Doanh nghiệp vừa nhìn chung hài lòng nhất, còn doanh nghiệp lớn và FDI đánh giá tương đối thấp hiệu quả hỗ trợ về đào tạo, công nghệ và tài chính. Những khác biệt này cho thấy chính sách cần được thiết kế sát hơn với nhu cầu riêng của từng nhóm doanh nghiệp.



XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

- #11 Số nhóm cam kết được khai thác
- #13 Rào cản khi tận dụng FTA
- #13 Hiệu quả chính sách hỗ trợ của CQQLNN địa phương
- #25 Tận dụng FTA Việt Nam đã ký kết
- #29 Hình thức tận dụng FTA

D CHỈ SỐ THÀNH PHẦN 4 Cam kết phát triển bền vững

4,78 /10

HẠNG 24 / 34 · -1,19

TỔNG QUAN

Kết quả của Lào Cai tương đối gần mức trung bình cả nước về hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững. Chất lượng hỗ trợ (D6) xếp **hạng 17**, hiệu quả hỗ trợ của cơ quan nhà nước (D4) xếp **hạng 20** và mức độ hiểu biết (D1) xếp **hạng 22**. Tuy nhiên, nhận thức về tác động đối với hoạt động kinh doanh (D2) chỉ xếp **hạng 25**, trong khi mức độ sẵn sàng đáp ứng (D3) và nhận thức về tầm quan trọng của việc tuân thủ (D5) cùng xếp **hạng 26**. Khoảng cách chủ yếu vì vậy không nằm ở sự hiện diện của hỗ trợ công, mà ở khả năng chuyển hóa hỗ trợ thành nhận thức và hành động cụ thể của doanh nghiệp.

NHẬN THỨC THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Khoảng 41–44% doanh nghiệp có hiểu biết về các cam kết lao động và môi trường, nhưng tỷ lệ hiểu biết đối với các lĩnh vực còn lại chỉ đạt 27–36%. Doanh nghiệp lớn nắm rõ hơn các yêu cầu về quản lý rừng, EUDR, SCDDD và CBAM; trong khi doanh nghiệp vừa còn hạn chế về tài nguyên biển, sự tham gia của công chúng và kinh tế tuần hoàn. Chỉ khoảng 17–34% doanh nghiệp đã xây dựng ít nhất một kế hoạch đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững. Doanh nghiệp lớn và FDI nhìn chung có sự chuẩn bị tốt hơn, còn tỷ lệ chuẩn bị của doanh nghiệp vừa thấp hơn 30% trong tất cả các lĩnh vực. Đáng lưu ý, hiểu biết về quản lý rừng bền vững, CITES và tiêu chuẩn xanh vẫn còn hạn chế, mặc dù đây là những yêu cầu liên quan trực tiếp đến các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của địa phương.

Lào Cai 4,78

Trung bình cả nước 5,97

XẾP HẠNG CẢ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ

#17 Chất lượng các hình thức hỗ trợ

#20 Hiệu quả hỗ trợ từ CQQLNN địa phương

#22 Mức độ hiểu biết về cam kết PTBV

#26 Mức độ chuẩn bị tuân thủ cam kết PTBV

#26 Nhận thức tầm quan trọng của việc tuân thủ

03 Kết luận & hàm ý

ĐIỂM MẠNH CẦN PHÁT HUY

- Các kênh cung cấp thông tin đã hình thành nền tảng tương đối tốt, với sự đa dạng của hình thức tiếp cận xếp **hạng 6** và nguồn thông tin từ cơ quan nhà nước xếp **hạng 13**.
- Doanh nghiệp đã bước đầu hình thành năng lực khai thác FTA, khi số nhóm cam kết được tận dụng xếp **hạng 11**, mức độ rào cản và hiệu quả chính sách hỗ trợ cùng xếp **hạng 13**.
- Chất lượng hướng dẫn pháp luật và mức độ phức tạp khi tuân thủ cùng xếp **hạng 15**, tạo nền tảng để tiếp tục nâng cao năng lực thực thi của doanh nghiệp.

CHỈ TIÊU CẦN CẢI THIỆN

- Sự tham gia của doanh nghiệp còn thiếu chiều sâu, thể hiện qua tần suất tham gia sự kiện xếp **hạng 27**, nguồn thông tin về sự kiện xếp **hạng 29** và sự đa dạng của hình thức tận dụng FTA xếp **hạng 29**.
- Mức độ hiểu biết và tham gia thực thi pháp luật còn thấp, khi mức độ nắm rõ VBPL xếp **hạng 27** và phản hồi, góp ý của doanh nghiệp xếp **hạng 28**.
- Mức độ sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững còn hạn chế, với sự chuẩn bị và nhận thức về tầm quan trọng của việc tuân thủ cùng xếp **hạng 26**.

1

Tăng cường sự
tham gia của
doanh nghiệp

Mở rộng nguồn thông tin về sự kiện, tăng tần suất tham gia và khuyến khích doanh nghiệp chủ động tham gia các hoạt động truyền thông, tập huấn và đối thoại FTA.

Trụ cột A · 26 →
cải thiện thứ hạng

2

Củng cố tư vấn
và hướng dẫn
pháp lý

Mở rộng hoạt động đào tạo, tư vấn theo tình huống và các kênh phản hồi chính sách, giúp doanh nghiệp hiểu rõ và áp dụng hiệu quả các quy định FTA.

Trụ cột B · 24 →
cải thiện thứ hạng

3

Mở rộng phạm
vi tận dụng
FTA

Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển từ khai thác một số cam kết và hình thức truyền thống sang tận dụng FTA rộng hơn, đa dạng hơn và gắn với chiến lược thị trường.

Chỉ tiêu C3 · 29 →
cải thiện thứ hạng

4

Nâng cao mức
độ sẵn sàng về
phát triển bền
vững

Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch và năng lực tuân thủ các yêu cầu của EVFTA, CPTPP và RCEP, ưu tiên EUDR, CBAM, SCDDD, CITES và các tiêu chuẩn xanh liên quan đến sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

Trụ cột D · 24 →
cải thiện thứ hạng



MỤC TIÊU

Chuyển từ nhóm “Trung bình” lên “Khá” – chuyển đổi nền tảng hiện có thành sự tham gia sâu hơn và tận dụng FTA rộng hơn